TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15-8-2025
V/v Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Văn Bé

Ông Đinh Ngọc Minh

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 132/2025/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị Hồng Á, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số C ấp A, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp).

- *Bị đơn:* Ông Trần Huỳnh Đ, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: Số H ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 4 năm 2025, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Á trình bày:

Bà Lê Thị Hồng Á và ông Trần Huỳnh Đ xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 39/2020 ngày 08/9/2020. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó khoảng 05 tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi vã. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Á yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà Á và ông Đ không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Trần Huỳnh Đ đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các văn bản tố tụng khác theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Bà Lê Thị Hồng Á khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Huỳnh Đ. Ông Trần Huỳnh Đ đang cư trú tại địa chỉ số H ấp L, xã L, huyện C, tỉnh Long An (nay là xã A, tỉnh Tây Ninh). Do đó, Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là "Tranh chấp ly hôn". Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 5 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Bà Lê Thị Hồng Á khởi kiện nên được xác định là nguyên đơn; ông Trần Huỳnh Đ là người bị kiện nên được xác định là bị đơn.

[3] Về việc vắng mặt của đương sự: Nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Á vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn ông Trần Huỳnh Đ đã được Tòa án thông báo và tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng vắng mặt mà không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Á, thấy rằng:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng Á và ông Trần Huỳnh Đ xác lập quan hệ vợ chồng và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 39/2020 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 08/9/2020 nên hôn nhân giữa bà Á và ông Đ là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Á trình bày cho rằng sau khi cưới vợ chồng chung sống không hạnh phúc, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà Á yêu cầu được ly hôn với ông Đ.

Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tống đạt cho ông Đ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tòa án đã cho bà Á và ông Đ thời gian đoàn tụ nhưng

ông Đ đều vắng mặt và không có bất kỳ ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà Á cho thấy ông Đ cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy, việc đoàn tụ giữa các đương sự không có kết quả, hôn nhân đã không còn hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn, một trong hai bên đã không còn mong muốn vun đắp cuộc sống chung của vợ chồng. Điều đó chứng tỏ hôn nhân giữa bà Á và ông Đ đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Á.

[4.2] Về con chung: Bà Á xác định bà và ông Đ không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Á xác định không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Đ vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Bà Lê Thị Hồng Á phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56 và Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH15 ngày 27/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về thành lập Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực; quy định phạm vi thẩm quyền theo lãnh thổ của Tòa án nhân dân cấp tỉnh, Tòa án nhân dân khu vực;

Căn cứ Điều 6, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị Hồng Á về "Tranh chấp ly hôn" đối với ông Trần Huỳnh Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Hồng Á được ly hôn với ông Trần Huỳnh Đ.

2. Về án phí: Buộc bà Lê Thị Hồng Á phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ từ tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010983 ngày 13/5/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An. Bà Lê Thị Hồng Á đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản sao án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Về quyền yêu cầu thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Khu vực 5 - Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Phú Lợi, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp (nay là xã Tân Thạnh, tỉnh Đồng Tháp);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy An